TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TỪ SƠN** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2022/DS-ST
Ngày: 30/6/2022
"V/v kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Hải, ông Đỗ Đức Hùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Thành - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2022/TLST- DS ngày 16 tháng 02 năm 2022 về việc "kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Dương Xuân G, sinh năm 1979; Bà Vũ Thị C, sinh năm 1982; Cùng địa chỉ: Cụm khu công nghiệp D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G: Bà Vũ Thị C, sinh năm 1982; Địa chỉ: Cụm khu công nghiệp D, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Ông Dương Văn L, sinh năm 1979; Bà Lê Thị T, sinh năm 1981; Cùng địa chỉ: Khu A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn do bà Vũ Thị C đại diện trình bày: Do có quan hệ quen biết cùng ở Đồng Kỵ nên ông bà có cho ông Dương Văn L, bà Lê Thị T vay tiền nhiều lần để kinh doanh. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Thời hạn vay 1 tháng, lãi suất theo thỏa thuận, được trả hàng tháng. Ông L, bà T cùng ký tên dưới mục người vay tiền,

cụ thể: Vào ngày 16/8/2014 âm lịch (tức ngày 09/9/2014 dương lịch) ông L, bà T vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Ngày 17/8/2014 (tức ngày 10/9/2014 dương lịch) ông L, bà T vay số tiền 700.000.000 đồng. Ngày 29/8/2014 (tức ngày 22/9/2014 dương lịch) ông L, bà T vay số tiền 2.700.000.000 đồng. Tổng 3 lần ông L, bà T vay số tiền là 4.600.000.000 đồng. Từ khi vay, ông L bà T chưa trả tiền lãi, tiền nợ gốc cho ông bà theo như thỏa thuận trong giấy biên nhận vay tiền. Ông, bà đã đòi nhiều lần nhưng ông L, bà T không trả nên ông bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông L, bà T phải trả lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi được nghe Tòa án giải thích quy định của pháp luật về thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay tài sản, nguyên đơn không yêu cầu ông L, bà T phải trả lãi đối với khoản tiền đã vay. Nguyên đơn yêu cầu ông L, bà T phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc của 3 lần vay là 4.600.000.000 đồng.

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho ông Dương Văn L, bà Lê Thị T nhưng ông L, bà T không gửi văn bản ghi ý kiến đến Tòa án, không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án theo đúng quy định của pháp luật nhưng không hòa giải được, vì vậy Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông L, bà T phải trả cho ông G, bà C số tiền nợ gốc 4.600.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi từ khi vay đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Từ Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên toà là đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115, Điều 155, Điều 158, Điều 166, Điều 429, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Dương Văn L, bà Lê Thị T phải trả cho ông Dương Xuân G, bà Vũ Thị C số tiền 4.600.000.000 đồng.

Án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Về việc vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa ngày 31/5/2022, bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Theo Quyết định hoãn phiên tòa số 16 của Hội đồng xét xử và thông báo thay đổi ngày xét xử, phiên tòa được mở lại vào hồi 08 giờ ngày 30/6/2022, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại khoản tiền nợ gốc đã vay. Vì vậy, đây là vụ án dân sự về việc "Kiện đòi tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại khu phố An Giải, phường Đồng Kỵ, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu khởi kiện: Đây là vụ án về kiện đòi tài sản, nguyên đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý vụ án. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 155 Bộ luật dân sự 2015 không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp này.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông G, bà T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án và không đến Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào những tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là 03 giấy vay tiền có chữ ký của ông L, bà T để giải quyết vụ án.

Xét các giấy vay tiền ngày 16/8/2014 âm lịch (tức ngày 09/9/2014 dương lịch) ông L, bà T vay 1.200.000.000 đồng, ngày 17/8/2014 (tức ngày 10/9/2014 dương lịch) ông L, bà T vay 700.000.000 đồng và ngày 29/8/2014 (tức ngày 22/9/2014 dương lịch) ông L, bà T vay 2.700.000.000 đồng, tổng của 3 lần vay là 4.600.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy: Tại các giấy vay tiền này ghi thời hạn thanh toán là 01 tháng, lãi suất theo thỏa thuận được trả hàng tháng. Đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn, có lãi. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành

vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc ký giấy vay tiền được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về hợp đồng vay tài sản nên hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Ông L, bà T đã nhận đầy đủ tiền nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho ông G, bà C theo thỏa thuận. Ông G, bà C đã đòi nhiều lần nhưng ông L, bà T không trả tiền. Từ khi vay đến nay, ông L bà T chưa trả tiền nợ gốc, nợ lãi cho ông G, bà C.

Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ông G, bà C cho ông L, bà T vay tiền từ tháng 8, tháng 9 năm 2014, thời hạn vay 1 tháng có nghĩa là đến tháng 9, tháng 10 năm 2014 hết thời hạn thanh toán theo thỏa thuận mà ông L, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông G, bà C có quyền khởi kiện đến Tòa án trong thời hạn 3 năm. Đến tháng 9, tháng 10 năm 2017 ông G, bà C không khởi kiện ông L, bà T đối với những hợp đồng vay tài sản này đến Tòa án mà ngày 24/01/2022 ông G, bà C mới khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông L bà T trả khoản tiền 4.600.000.000 đồng là hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản nên không được tính lãi đối với khoản tiền đã vay. Toàn bộ khoản tiền cho vay theo 03 giấy vay tiền này là tài sản hợp pháp của ông G, bà C nên họ có quyền đòi lại. Theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của ông G, bà C là chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 184; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 115, Điều 155, Điều 158, Điều 166, Điều 429, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Dương Văn L, bà Lê Thị T phải trả cho ông Dương Xuân G, bà Vũ Thị C số tiền 4.600.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí: Ông L, bà T phải chịu 112.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông G, bà C 56.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003474 ngày 16/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Từ Sơn.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Từ Sơn;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cơ quan THADS TP Từ Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Thanh